**Lê Phương Chi**

Tâm tình học giả Nguyễn Hiến Lê

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Phần I](%22%20%5Cl%20%22bm2)

[Phần II](%22%20%5Cl%20%22bm3)

**Lê Phương Chi**

Tâm tình học giả Nguyễn Hiến Lê

**Phần I**

*Năm 1980, tôi từ Sài Gòn xuống Long Xuyên có chút việc cần, sau đó tôi đến thăm học giả Nguyễn Hiến Lê đang ở trong một biệt thự số 92, đường 26 tháng 3 (trước kia là số 26 đường Gia Long, hiện nay là đường Tôn Đức Thắng), thị xã Long Xuyên. Đây cũng là nơi những khi ông tránh ồn ào náo nhiệt ở Sài Gòn, lui về nghỉ ngơi cho yên tĩnh.*

*So đúng địa chỉ cầm trên tay, tôi quan sát, thấy có cây nính cổ thụ gốc cỡ hai người ôm không xuể, đứng bên vệ đường gần cổng ra vào khu vườn nhỏ trước toà nhà ba gian, cất theo kiểu cổ, lợp ngói âm dương. Tàn cây nính sum suê, lá rụng đầy con đường giữa vườn hoa dẫn vào một căn nhà nhỏ xây kiểu hiện đại nằm bên phải toà nhà cổ vách ván, là một căn nhà gạch, khoảng năm sáu mươi thước vuông.*

*Tôi biết chắc đây là căn nhà của học giả Nguyễn Hiến Lê mới xây thêm, để ông nghỉ ngơi mỗi khi về đây với bà Nguyễn Thị Liệp, tôi lách cổng đi vào. Đến giữa vườn hoa, nhìn vào nhà thấy học giả Nguyễn Hiến Lê mặc bộ quần áo vải bà ba trắng, đang nằm đọc sách trên võng mắc lên giá gỗ đặt trước hiên.*

*Khi tôi vào gần, chủ nhân nghe tiếng chó sủa, gỡ đôi kính viễn thị, buông sách nhìn ra, thấy khách, ngồi dậy dợm đứng lên thì tôi đã đến bên thềm. Nhận ra tôi, ông Lê mừng rỡ bước lại xiết tay lắc lắc mấy cái, tay kia vỗ vỗ nhẹ vào vai tôi rồi xởi lởi hỏi:*

- Anh đi đâu mà ghé thăm tôi đây?

*- Dạ, chỉ xuống thăm anh chớ đâu có đi đâu.*

*Ông Lê mỉm cười với đôi mắt hóm hỉnh, chỉ chiếc ghế bên cạnh mời tôi ngồi:*

- Anh ngồi tạm đây đã, ở chơi ăn cơm trưa với chúng tôi nhé!

*Lúc đó, bà Lê (bà Nguyễn Thị Liệp) cũng bưng khay nước trà ra chào và mời khách. Có lẽ bà đứng bên toà nhà cổ, đã nhìn thấy tôi lúc ngập ngừng bước trong sân cỏ. Ông Lê tiếp lấy khai nước đặt lên cái đôn sứ thấp, vừa rót nước vừa nói với vợ:*

- Trưa nay có anh Lê Phương Chi ăn cơm với chúng mình, bà nhé!

\*

*Sau khi ăn cơm trưa và nghỉ ngơi vài mươi phút, rồi theo lời yêu cầu của tôi cũng như ông đã hứa từ trước trên Sài Gòn, học giả Nguyễn Hiến Lê đã mạn đàm với tôi về tâm sự của mình sau đây.*

*Tôi hỏi: Xin ông cho nghe khái quát về sinh hoạt văn học nghệ thuật của đời mình?*

*Học giả Nguyễn Hiến Lê cười bằng ánh mắt:*

- Vấn đề này tôi đã trả lời anh Nguyễn Ngu Í [[1]](#footnote-1) [1] rồi, nay nhắc lại để anh ghi, có thể thiếu vài chi tiết nhé!

Sau ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945, tôi từ giả đời công chức, không về nhiệm sở trên Sài Gòn, mà ở lại Long Xuyên xin dạy trường trung học Thoại Ngọc Hầu. Tôi dạy các môn Pháp văn, Việt văn, Đức dục, Hán văn…

*- Vì ông thất nghiệp nên ông xin chính phủ cho đi dạy để có thu nhập phải không?*

- Chưa đến nỗi như anh nghĩ đâu. Bấy giờ nhà tôi [[2]](#footnote-2) [2] không làm ở tiệm may đường Sabourain [[3]](#footnote-3) [3] (Sài Gòn) nữa, mà đi dạy trường mẫu giáo Aurore ở đường Bàn Cờ. Sau này là đường Phan Đình Phùng, rồi nay là đường Nguyễn Đình Chiểu. Cháu Nhật Đức đã vào học trường Jean Jacques Rousseau, nay là trường Lê Quí Đôn. Mẹ nó vừa dạy mẫu giáo vừa kèm con học. Còn tôi, năm 1949 nhân có người bạn là kỹ sư đồng sự với tôi ở Sở Thuỷ lợi, khi ấy ông ta là khu trưởng công chánh miền Tây Nam Bộ. Ông mời tôi xuống Long Xuyên chơi, và anh bạn kỹ sư ấy khẩn thiết mời tôi trở lại ngành công chánh, tôi từ khước. [[4]](#footnote-4) [4] Vừa lúc ấy tôi gặp ông Nguyễn Ngọc Thơ, người quen cũ, đang làm tỉnh trưởng Long Xuyên. Ông cho biết tỉnh có mở trường trung học Thoại Ngọc Hầu, hai lần khẩn khoản mời tôi dạy thay một ông giáo đang dạy, phải trở về Bộ trên Sài Gòn. Vì thấy công việc dạy học cũng là đào tạo cho thế hệ tương lai của đất nước nên tôi mới nhận lời…

*- Đang dạy học ngon lành như vậy, thời ấy nhiều người mơ ước không được, vì sao ông thôi dạy và trở về Sài Gòn? Có phải vì sự mâu thuẩn gì với ban giám hiệu rồi thầy giáo Nguyễn Hiến Lê được thôi giữ chức?*

Học giả Nguyễn Hiến Lê lại cười thật lớn trước câu đùa nghịch của tôi, ông cũng nói đùa, bắt chước giọng miền Nam:

- Sức mấy mà tôi bị người ta cho thôi giữ chức!

Cười đùa với nhau một hồi, xem ông có vẻ rất thích thú. Sau đó ông Lê trầm ngâm một chặp rồi nói:

- Thú thật, tính tôi rất nóng, hễ giận trò nào là tôi la lớn, nên phần đông học sinh sợ chớ không mến tôi. Tôi lại bực mình vì đa số phụ huynh học sinh thời ấy không muốn học giỏi để thi đậu, mà chỉ cần con được mau học lên đến năm thứ Tư ban Cao đẳng tiểu học Pháp mà chương trình Hoàng Xuân Hãn gọi là lớp đệ Tứ niên, sau ông Diệm gọi là đệ Tứ, để gia đình họ hãnh diện với hàng xóm. Mà số học sinh ấy hầu hết viết không đúng văn phạm một câu Pháp ngữ.

Niên khoá nào tôi cũng đề nghị với ông hiệu trưởng nên cho mấy em học sinh học kém phải redoubler (lưu ban). Nhưng bị áp lực của mấy vị phụ huynh có “máu mặt”, thành ra ông không nghe theo tôi. Và cũng do đó, tôi cảm nhận ở Long Xuyên có nhiều người không ưa tôi, tuy rằng họ coi trọng tư cách đứng đắn của tôi. Sở dĩ tôi được biết như vậy vì sau này có nhiều người học trò cũ của tôi thời ấy, khi đi kháng chiến về, hoặc những công chức ở tỉnh, gặp tôi ngoài đường đều lễ phép chào hỏi và gọi thầy, xưng con với tôi. Trong số ấy có một vài người nhắc lại lời khuyên của tôi: “Về vật chất nên sống dưới mức trung bình, về tinh thần nên sống trên mức trung bình”. Và cũng có một vài người nói rằng, cũng nhờ làm theo lời tôi khuyên khi giảng bài trong lớp: “Bất cứ việc gì ở đời, cứ làm hết sức mình rồi mặc cho hoá công định đoạt, đừng có tham vọng cướp quyền tạo hoá”, cho nên anh ta vượt qua được nhiều khó khăn…

Tôi dạy trường Thoại Ngọc Hầu có ba năm, mà đến hôm nay, đã hơn ba mươi năm, khi tôi ngồi nói chuyện với anh đây. Thỉnh thoảng tôi đi dạo quanh quanh thị xã Long Xuyên, vẫn gặp lại năm bảy người học trò cũ còn xem trọng tôi như cha chú.

Như đã nói khi nãy, là tính tôi quá nóng, lại thích cho học trò học thật giỏi, mà gặp những “con ông cháu cha” như vậy tôi đâm chán. Lại nữa, tôi mê đọc sách và thấy mình còn dốt quá, phải viết sách để buộc mình phải tự học. Đó là lý do tôi từ giả công việc dạy học để trở về Sài Gòn viết sách và lập nhà xuất bản, như trước tôi đã nói với anh Nguyễn Ngu Í, là vào năm 1952, tôi sẽ trở về sống lại ở Sài Gòn. Năm 1953 tôi thành lập nhà xuất bản lấy tên tôi là nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê để ấn hành những tác phẩm của mình. Cũng từ đó đến nay tôi chỉ sống với cây bút. Rồi tác phẩm của tôi ngày càng nhiều, tự xuất bản không xuể, tôi phải đưa cho các nhà xuất bản: Lá Bối, Cảo Thơm, Tao Đàn, Khai Trí để họ xuất bản[[5]](#footnote-5)[1]. Cần nói thêm là nhà xuất bản Khai Trí chỉ khiêm tốn để vào bìa sách là “Nhà sách Khai Trí phát hành” mặc dù sách ấy do họ bỏ tiền in và xuất bản.

Sách của tôi sáng tác phần nhiều là loại Học làm người, còn loại sách về Nghệ thuật sống, là tôi dịch của các danh tác Âu Mỹ và Trung Quốc. Tôi còn dịch thuật, biên soạn các loại sách tự học, sách dạy viết văn, sách biên khảo, các loại sách văn học, ngữ pháp, gương danh nhân kim cổ, giáo dục, triết học, khoa học, v.v… với số ít tiểu thuyết và truyện ngắn…

- Khi chọn một đề tài để viết, ông dựa trên tiêu chuẩn nào. Vì độc giả? Vì ông thích đề tài ấy? Hay là gì thấy đề tài ấy sẽ tiêu thụ nhanh?

- Trước hết, tôi viết sách là để tự học thêm. Nghĩa là khi muốn học một vấn đề nào thì tôi chọn đề tài để viết về bộ môn ấy. Có thể nói bản tính của con người ai cũng lười, học cái gì vừa hiểu qua loa cũng đã mãn nguyện, không chịu tìm cho kỹ, đào cho sâu. Nhưng khi viết sách, là ta bắt buộc phải cân nhắc từng ý, từng câu, từng chữ, rồi suy nghĩ để bình luận. Sau đó sắp đặt những sự kiện đã sưu tầm để phô diễn mạch lạc rõ ràng. Nếu chỗ nào ta đọc lại mà thấy còn mập mờ thì phải đọc thêm sách báo để tra cứu, tham khảo, do đó sự hiểu biết của ta ngày càng rộng và cao thêm.

Càng tham khảo, ta càng gặp trong các sách báo những ý tưởng mâu thuẫn nhau, ta phải nhận xét đâu là đúng, đâu là sai để đào sâu thêm. Nhờ vậy, ta phát huy được điều mới lạ và thấu triệt được vấn đề, để cống hiến cho độc giả. Sở dĩ tôi dài dòng là để trả lời anh rằng tôi chọn đề tài viết sách là một phương pháp để tôi tự học. Mục đích của tôi là viết vì độc giả, và rồi cũng để mình học hỏi, tìm hiểu chứ không phải để cầu danh, vì cầu danh thì danh sẽ trốn, mình không cầu thì tự nó đến.

Tôi cũng không nhằm chọn những đề tài khi xuất bản sách ấy sẽ tiêu thụ nhanh, bằng chứng là cuốn Cổ văn Trung Quốc, và cuốn Đại cương văn học sử Trung Quốc tôi dịch và biên soạn rất công phu, rất thích thú. Thế mà khi xuất bản, sách bán rất chậm, mà hình như cho đến nay sách ấy cũng vẫn còn. Còn tác phẩm mà tôi thích là cuốn Bảy ngày trong Đồng Tháp Mười chỉ dày độ vài trăm trang, in hai lần đều bán hết, đến năn 1971 tôi nhường bản quyền cuốn ấy cho nhà xuất bản Trí Đăng. Nói như vậy tôi không chọn đề tài theo mình thích, mà hầu hết là vì nhu cầu tự học, và vì xét thấy đó là nhu cầu của độc giả.

***Chú thích:***

[[6]](#footnote-6)[1] Xem *Sống và Viết với Nguyễn Hiến Lê* của Nguyễn Ngu Í. (Các chú thích đánh số thứ tự 1, 2, 3… là của Goldfish)
[[7]](#footnote-7)[2] Tức bà Trịnh Thị Tuệ.
[[8]](#footnote-8)[3] Sau này là đường Tạ Thu Thâu.
[[9]](#footnote-9)[4] Hình như có sự lầm lẫn ở đoạn này. Năm 1949, cụ Nguyễn Hiến Lê đang tạm trú và dạy tư tại nhà bà Nguyễn Thị Liệp ở Long Xuyên; làm sao có chuyện ông kỹ sư đồng sự mời cụ “xuống Long Xuyên chơi”?

 [[10]](#footnote-10)[1] Trước 30-4-1975, ngoài Nxb Nguyễn Hiến Lê ra, có đến 20 nhà xuất bản khác đã xuất bản hoặc tái bản sách của Nguyễn Hiến Lê.

**Lê Phương Chi**

Tâm tình học giả Nguyễn Hiến Lê

**Phần II**

*- Ông có dự liệu được loại sách Học làm người của ông đã bán chạy như vậy không?*

- Đúng là điều bất ngờ đối với tôi. Chính những cuốn đó, về loại dịch thuật như *Đắc nhân tâm*, tôi dịch tác phẩm của Dale Carnegie (*How to win friends and influence people*) cuốn này tôi dịch rất nhanh; còn những cuốn tôi biên soạn (*Kim chỉ nam cho học sinh*), và dịch cuốn *Quẳng gánh lo đi và vui sống* tôi hoàn thành cũng rất nhanh. Chỉ bằng một phần năm thời gian tôi bỏ ra để dịch những danh tác của Trung Quốc. Ấy vậy mà loại sách Học làm người tái bản nhiều lần như *Đắc nhân tâm* số sách in đi in lại đến nay trên năm mươi ngàn cuốn.

*- Xin ông cho nghe về câu chuyện dịch tác phẩm* Chiến tranh và hoà bình *(Guerre et Paix) của văn háo Léon Tolstoi?*

- Có thể nói đây là duyên văn tự, tôi hợp tác với nhà xuất bản Lá Bối. Thú thật, tôi mê bộ *Chiến tranh và hoà bình* từ ngày còn học trường Bưởi. Rồi năm 1962 tôi có đề nghị hai nhà xuất bản lớn ở Sài Gòn, hễ khi nào có thể in đ ư ợc thì cho hay, tôi sẽ khởi công dịch, và tôi cam kết là sẽ hoàn tất trong vòng mười tám tháng. Cho đến năm 1966 đề nghị của tôi vẫn chưa được nhà xuất bản nào xét đến. Trong một bài báo đăng trên *Tân Văn* ngày 15-9-1966, tôi có nhắc lại đề nghị sẽ dịch bộ sách này. Báo phát hành độ hơn tháng, một hôm có một vị sư trẻ đến thăm tôi, tự giới thiệu là Võ Thắng Tiết, pháp danh Từ Mẫn, Giám đốc nhà xuất bản Lá Bối. Ông đến nhờ tôi dịch bộ *Chiến tranh và hoà bình* cho nhà xuất bản của ông. Sau một hồi thảo luận, tôi nhận lời với ông là tôi sẽ dịch và hứa sẽ dịch xong trong vòng hai năm.

Buồn cười là trong lúc tôi đang dịch bộ ấy, thì độ vài tuần sau, có một nhà xuất bản khác tìm đến, cũng muốn nhờ tôi dịch bộ *Chiến tranh và hoà bình*. Có lẽ đã đến thời điểm độc giả có nhu cầu, cho nên các nhà xuất bản phải đáp ứng chăng?

Thế là tôi bắt tay vào công việc dịch bộ *Chiến tranh và hoà bình.* Tôi dịch thật kỹ và giới thiệu tác giả tác phẩm, với các nhân vật trong tác phẩm rất đầy đủ và thật công phu. Đến mười tám tháng, tôi đã dịch xong toàn bộ Chiến tranh và hoà bình. Đầu năm 1969 nhà xuất bản Lá Bối đã in cuốn thứ nhất dầy bảy trăm năm mươi trang, hình như khoảng năm ngàn ấn bản, ba cuốn tiếp theo mỗi cuốn cũng dày độ bảy, tám trăm trang, cũng in xong vào cuối năm đó. Sách bán chạy, năm 1973 nhà Lá Bối tái bản. Cho đến đầu năm 1975 mới in xong toàn bộ bốn cuốn, chưa kịp phát hành thì miền Nam giải phóng, sách bị thất lạc hết!

Sở dĩ tôi nói duyên văn tự, mà cũng có thể nói duyên tiền kiếp giữa tôi và thầy Từ Mẫn, vì sau khi hoàn thành bộ *Chiến tranh và hoà bình*, tôi lại tiếp tục dịch cho nhà Lá Bối bộ *Chiến Quốc sách*, và bộ *Sử ký Tư Mã Thiên*, là hai danh tác của Trung Quốc. Hai bộ này cũng bán chạy.

*- Nếu có thể, xin ông cho nghe cụ thể cách thức dịch một bộ tiểu thuyết dài?*

*Học giả Nguyễn Hiến Lê cười vui vẻ:*

- Chẳng có gì phải giấu cả, muốn dịch một bộ tiểu thuyết dài khoảng tám ngàn trang trở lên mà giữ được tính đồng nhất, và cũng để mình dịch đỡ vất vả, đỡ mất thời gian, tôi chép lên một tờ giấy riêng, ghi tên những vật dụng của xứ họ và những địa phương trong nguyên tác nói đến mà xứ mình không có, như cái “samovar” (ấm lò), “traineau” (giày thể thao), v.v… để tìm một lối dịch thích hợp, rồi ghi ngay bên cạnh, để ở những đoạn sau có gặp lại là tìm thấy ngay. Còn những từ nhiều nghĩa như “animé” chẳng hạn, tuỳ chỗ phải dịch là *có hồn*, hoặc dịch là *có sinh khí*, hay *náo nhiệt, khởi sắc, hung hăng, hoạt động, hoạt bát, nhiệt tâm, hồng hào, hăng hái, kịch liệt*, v.v… thì tôi ghi tất cả lên một tờ giấy, để sau gặp lại từ ấy là mình lựa nghĩa cho thích hợp với đoạn văn đang dịch là đem ra dùng, đỡ phải tìm nữa. Và điều cần thiết là phải lập một bản ghi tên các nhân vật chính và phụ trong truyện ấy với đầy đủ địa vị xã hội, nghề nghiệp, tuổi tác, tính tình, bè bạn, họ hàng giữa nhân vật này và nhân vật khác. Rồi định cho họ cách xưng hô với nhau như hồi trẻ thì phải xưng hô như thế nào, lúc nhân vật ấy về già phải xưng hô ra sao cho tương xứng. Như vậy ta tránh lầm lẫn trong cách xưng hô. Và nhất là tôi học cách dịch Việt hoá của kịch tác gia Vi Huyền Đắc, chẳng hạn như một câu người Trung Quốc nói: *Bọn trẻ chùi mũi chưa sạch*, thì anh dịch là: *Bọn trẻ còn thò lò mũi xanh*, v.v… Hoặc God là Chúa hoặc Thượng đế, thì anh dịch là *Trời Phật*. Như vậy nghe rất ngọt và rất gần gũi với dân Việt Nam.

Còn kinh nghiệm tôi rút ra được là mới dịch bộ *Chiến tranh và hoà bình*, tôi không lập bản này, nên trong khi dịch đã tốn rất nhiều thời gian. Có khi dịch cả ngàn trang, tôi phải lật lại từ đầu để tìm xem những trang đã dịch, nhân vật này gọi nhân vật kia là chú hay câu, hoặc chị hay cô, v.v… Và điều thiết yếu khi dịch một tác phẩm phải uyển chuyển như diễn một bản nhạc. Nghĩa là mình cũng phải làm công việc sáng tạo, mặc dù dịch rất sát không thêm bớt từ nào. Và xin nhớ rằng dịch giả cũng là một nghệ sĩ, mỗi bản dịch là một nghệ phẩm. Có thể nói, không một bản dịch nào y nguyên tác, mà nó mang ít nhiều cá tính, tài năng tinh thần, ngôn ngữ của dịch giả, nhất là không thể thiếu cái không khí trong thời đại của dịch giả đang sinh sống. Anh đồng ý với tôi chứ?

*- Xin cho biết vì sao ở Sài Gòn bấy giờ có nhiều tờ báo mời ông cộng tác, mà ông chỉ viết cho tờ Bách Khoa? [[11]](#footnote-11)* ***[1]***

- Tôi nhớ vào năm 1957, thấy trong vài hiệu sách ở Sài Gòn có xuất hiện tờ Bách Khoa. Tôi thấy tờ báo ghi xuất bản mỗi tháng hai kỳ, đọc sơ qua bài vở thấy đứng đắn, có chiều sâu. Biết vậy thôi, tôi cũng không chú ý lắm. Một hôm có nhà văn Nguyễn Hữu Ngư đưa bà Phạm Ngọc Thảo (bà Phạm Thị Nhiệm, em giáo sư Phạm Thiều) đến thăm tôi và giới thiệu bà Thảo đây là người trong toà soạn, muốn nhờ tôi viết bài cho báo Bách Khoa. Tôi thấy vậy có góp một bài là *Quan niệm sáng tác của Edgar Allan Poe* tôi viết đã lâu. Bài đó được đăng ngay [[12]](#footnote-12) [2] , rồi tôi đưa tiếp cho bà Thảo ba bài nữa: *Tiếng Việt ngày nay; Vấn đề dịch văn; Phép dịch thơ,* cũng được toà soạn đăng liền sau đó. Rồi thỉnh thoảng tôi gởi cho báo Bách Khoa – qua bà Thảo và ông Nguyễn Ngu Í – các bài về Nho giáo, về danh nhân hoặc về vấn đề văn học.

*- Vì sao ông hợp tác lâu dài với tờ Bách Khoa cho đến khi báo này đình bản vào tháng 5 năm 1975?*

- Tôi tìm hiểu về báo chí miền Nam lúc bấy giờ, thấy tạp chí Bách Khoa có một địa vị đặc biệt, không nhận trợ cấp của chính quyền, không viết bài ủng hộ chính quyền mà vẫn sống được mười tám năm (từ 1957 đến 1975), tuổi thọ cũng bằng tờ Nam Phong. Tờ Bách Khoa cũng có uy tín, cũng tập hợp được nhiều cây bút có giá trị như tờ Nam Phong thời trước, mà có lẽ số cộng tác viên dồi dào hơn; trước và sau có trên một trăm cây bút, đa số là những người đã tham gia kháng chiến trở về, cũng có vài công chức cũ của Pháp, nhưng họ không ưa Pháp.

Đúng ra những năm đầu, Bách Khoa đăng nhiều bài có tính chất nặng nề mà báo sống được là nhờ chủ nhiệm Huỳnh Văn Lang, bấy giờ là Tổng giám đốc Viện Hối đoái, thành thử tờ báo thu được nhiều quảng cáo. Cho đến năm 1959, báo Bách Khoa đang sống lây lất, nhờ có Lê Ngộ Châu, một người đã theo kháng chiến, rồi bỏ về Hà Nội dạy trong một trường trung học, sau 1954 di cư vào Sài Gòn; được chủ nhiệm Huỳnh Văn Lang giao nhiệm vụ thư ký toà soạn, và sau là chủ nhiệm. Từ đó tờ báo khởi sắc nhờ có đường lối rõ rệt, có thể nói là tờ Bách Khoa chọn con đường thứ ba, đã tập hợp được một số cây viết có kinh nghiệm làm nòng cốt như Võ Phiến, Vũ Hạnh, Phan Du, Cô Liêu Vũ Đình Lưu, Võ Hồng, Bình Nguyên Lộc, Ngu Í Nguyễn Hữu Ngư, Phạm Ngọc Thảo, Phan Văn Tạo, Phạm Duy Lân, Xuân Hiến, v.v…

Khi tờ báo Bách Khoa đứng vững, từ 1960 báo tự nuôi sống được, anh em trong toà soạn lại đào tạo thêm những cây bút trẻ như Nguyễn Thị Hoàng, Trùng Dương, Nguyễn Thị Thuỵ Vũ, Tuý Hồng, Lê Tất Điều, v.v… có nhiều bài sáng tác có giá trị.

Và một điều giữ tôi lại được lâu năm với tờ Bách Khoa là anh em trong toà soạn mặc dầu chính kiến khác nhau, có thể nói họ xung đột nhau về chính kiến, như Võ Phiến và Vũ Hạnh chẳng hạn, nhưng họ vẫn tôn trọng tư tưởng của nhau. Và hầu hết anh em trong toà soạn vẫn giữ được niềm hoà khí, đó là điều tôi quý nhất. Một điều tôi thích tờ Bách Khoa nữa, đó là tờ báo đã giữ được cảm tình với đủ lứa tuổi độc giả, mà đa số độc giả trong giới trí thức, đứng đắn, lớn tuổi. Phải nhận rằng, Bách Khoa là tờ báo có một chủ trương mới mẻ, đã dám mạnh mẽ cải cách cả về tư tưởng lẫn cách trình bày cũng như tờ Phong hoá, Ngày nay trước kia. Nhưng trước sau vẫn giữ lập trường ôn hoà không quá khích, điều này rất hợp ý tôi. Do đó, đây là tờ báo tôi cộng tác lâu dài nhất trong quảng đời viết báo của tôi từ 1957 đến 1975.

*- Xin ông cắt nghĩa cho nghe về tên tự và còn dùng làm bút hiệu là Lộc Đình?*

*Học giả Nguyễn Hiến Lê đăm chiêu một chặp, rồi thở một hơi dài, nói giọng buồn buồn:*

- Tôi sinh ra và lớn lên ở ngõ Phất Lộc, trông ra bờ sông Nhị Hà. Ngõ rộng độ hai thước, dài độ hai trăm thước, mười căn nhà dồn vào ngõ hẹp thấp hơn mặt đường đến một thước, mà ngày cũng như đêm đều tối om om. Đã không có gì đẹp mà còn bẩn thỉu nữa. Trừ vài nhà khá giả, thỉnh thoảng thấy thấp thoáng một thiếu nữ dáng mảnh khảnh nước da trắng trẻo nhưng xanh lướt vì quanh năm lẩn quẩn trong ngõ hẹp thiếu ánh nắng. Nàng ăn mặc theo lối cổ, tóc búi đuôi gà, thỉnh thoảng ra đứng trước nhà, nhìn từ trong ra ngoài đầu ngõ rồi trở vào khép cửa, mất hút ngay. Những chàng trai trong ngõ không sao kịp chiêm ngưỡng dung nhan. Hoạ chăng, một vài cậu choai choai bạo dạn vờ vĩnh đến dừng trước cánh cửa khép kín mà tưởng tượng vẻ yêu kiều, tha thướt của cô ta có lẽ đang chơi đùa với các em phía trong căn nhà sâu hun hút ấy…

*Tôi cười vui vẻ rồi pha trò: Nếu trong số các cậu choai choai ấy có trò Hiến Lê, thì chỉ lấy bút hiệu là Phất Lộc, chứ tại sao lại có thêm Đình trong ấy?*

*Học giả Nguyễn Hiến Lê cũng cười lớn, rồi nói:*

- Tôi đâu có trong đám choai choai ấy. Vì hồi ở lứa tuổi ấy, tôi đứng trước phái đẹp hay cả thẹn. Sở dĩ tôi dùng chữ Lộc là để nhớ cái ngõ hẹp Phất Lộc còm cõi ấy, bởi vì trong ấy có những người thân của tôi đã nằm xuống vĩnh viễn: cha tôi rồi bà ngoại tôi. Còn anh thắc mắc chữ Đình ư? Vậy xin anh nghe tôi kễ thêm nhé!

Bên ngoài, trên đường Bờ Sông, gần ngõ Phất Lộc còn có một cái đình không biết thờ vị thần nào mà kiến trúc rất đơn sơ . Hai cổng gỗ luôn đóng kín, trên mái cổng tam quan có đắp một bầu rượu khá lớn nằm giữa hai con rồng uốn khúc châu đầu vào. Thuở bé, tôi được theo bà ngoại vào đền mấy lần, tôi thấy bên trong là một khoảng sân rộng vắng ngắt, không thấy bóng ông từ như các đình khác. Phải vào tận trong đền mới thấy có ông từ. Hằng ngày ông từ lủi thủi như bóng ma. Tôi không bao giờ thấy ông ra khỏi đình. Cho đến bây giờ nói chuyện với anh đây, tôi cũng chưa biết rõ đình ấy thờ vị thần nào mà quanh năm hầu như không thấy cúng tế, nên quanh cảnh đình ấy trông có vẻ lạnh lẽo thâm u trầm mặc. Vào đấy tôi chỉ dám ghé mắt trông lên chỗ thờ phụng tối om một loáng là chạy ra liền. Tuy vậy, mà quanh cảnh lẹnh lẽo trầm mặc thâm u của ngôi đền bỗng nhiên len sâu trong tâm tư tôi những khi ngồi học trong lớp, hoặc những khi tôi đến chơi nơi nào đông vui là tôi chạnh nghĩ đến ngôi đình, nhớ đến bà ngoại tôi. Nhất là sau ngày cha tôi và bà ngoại tôi vĩnh viễn ra đi từ ngõ hẹp tối tăm ấy…

Bây giờ thì anh đã thấy bút danh Lộc Đình tôi dùng ký dưới một bài văn ngắn từ hồi trẻ, không hề vướng chút bóng hồng nào, Lộc là ngõ Phất Lộc còn Đình là cái đình ấy đấy. Anh còn thắc mắc với bút danh ấy nữa không?

*Tôi quay ra nhìn trên chóp ngọn cây nính ngoài cổng đang nhuộm ánh chiều vàng rực, để tránh đôi mắt buồn vời vợi của học giả Nguyễn Hiến Lê. Một hồi lâu, tôi mới quay lại nhìn ông, ông mỉm cười hỏi:*

- Nào, anh còn gì nữa không, để chúng ta còn đi dạo một vòng Long Xuyên trong buổi chiều nắng đẹp này?

*- Xin cho nghe về lý do ông lập gia đình lần thứ nhì, mà người Sài Gòn thường gọi là phòng nhì?*

*Học giả Nguyễn Hiến Lê cười thật hóm hỉnh:*

- Tôi biết thế nào Lê Phương Chi cũng hỏi về vấn đề này.

*Ông trầm ngâm một chặp, rồi nói tiếp:*

- Vấn đề này tôi phải nói có đầu có đuôi thì anh mới hiểu rõ.

Từ năm 1935 bác Ba tôi đã giục tôi đi xem mặt vợ. Tôi vâng lời người, đi xem nhiều nơi, chẳng hạn con gái một ông Phủ ở Giồng Riềng (Rạch Giá), rồi đến cô giáo H. dạy học ở Long Xuyên, tôi cũng không vừa ý. Trớ trêu thay, tôi lại để ý cô giáo Nguyễn Thị Liệp, một cô gái đầu tiên trong tỉnh đậu bằng Cao đẳng tiểu học, đang dạy lớp Ba trường Nữ tiểu học Long Xuyên, người đã dẫn đường giùm tôi trong một chuyến đi xem mặt vợ ở thị xã Long Xuyên. Anh có đồng quan điểm với tôi là ở Bắc và Huế làm sao thấy được người con gái trong chiếc áo bà ba, vạt sau vừa phủ xuống nửa mông, bên dưới là chiếc quần Mỹ A đen nhánh, đi bách bộ trên đường phố, vào thời bấy giờ, phải không anh? *(Tôi cười tán đồng.)* Sau đó tôi thường lui tới nhà thăm chơi, một hôm trước khi về, tôi trao tận tay cô Liệp lá thư cầu hôn. Cô Liệp không trả lời tôi, mà viết thư cho bác Ba tôi, đại ý là cô cảm động vì bức thư của tôi, nhưng nhà chỉ có một mẹ một con, nên cô muốn ở vậy phụng dưỡng mẹ. Và trước tình cảm chân thành của cô, cô xin đem tình cầm sắt đổi ra cầm kỳ. Từ đó tôi thỉnh thoảng viết thư và lui tới thăm cô. Cũng từ đó tôi không nghĩ tới việc tìm vợ, cứ để thủng thẳng sẽ tính, bác Ba tôi cũng không thúc bách nữa. Rồi đến mùa thu 1936, tôi đi công tác đo nước vùng Bạc Liêu, trên đường từ Bạc Liêu qua Giá Rai xuống Cà Mau. Vùng này dài chừng ba mươi cây số, dưới kinh nước thì mặn với từng bầy cá chốt, trên bờ chừng mươi tiệm tạp hoá, hầu hết là của người Triều Châu, nối thành một dãy phố khoảng vài trăm thước. Phía sau là cánh đồng lúa thẳng cánh cò bay. Quang cảnh thật buồn, có nhiều điền chủ giàu nhưng họ ở trên tỉnh lỵ Bạc Liêu hoặc dưới chợ Cà Mau. Tại chợ Giá Rai có một tiểu khu của Sở Thuỷ lợi, do một viên đốc công già chỉ huy, tên ông là Trịnh Đình Huyến gốc người Bắc, cũng xuất thân từ trường Công chánh Hà Nội, ra trường trước tôi khoảng vài mươi năm. Gia đình ông trước kia thuộc giới sang trọng *(famille noble)* ở Hà Nội, người em trai kế là ông Trịnh Đình Thảo đậu tiến sĩ Luật ở Pháp, đang là một luật sư rất nổi danh ở Sài Gòn. Em rễ út của ông cũng là một luật sư, hành nghề tại Hà Nội thời bấy giờ. Vợ ông là em ruột kỹ sư Vũ Văn An, người Việt đầu tiên đỗ kỹ sư Hoá học ở Pháp. Nhà ông Huyến có đến tám người con gái và trai, tất cả đang sống ở Giá Rai, bà phải khéo tiết kiệm mới đủ chi tiêu vốn đã quen với lối sống sang trọng của người Hà Nội.

Tôi đến thăm chơi vài lần, ông bà đã mến và đánh tiếng muốn gã người con gái lớn là cô Trịnh Thị Tuệ cho tôi. Cô Tuệ đỗ tiểu học, và học đến năm thứ ba Cao đẳng tiểu học thì thôi, và về giúp mẹ phụ trách việc nhà. Cô rất được các em nể nang. Tôi viết thư hỏi ý kiến bác Ba tôi, rồi sau đó tôi viết thư về Bắc thưa chuyện với mẹ tôi, được mẹ tôi cho phép.

Lễ cưới của tôi và cô Tuệ dự định sẽ tiến hành vào ngày lễ Phục sinh năm sau (1937). Tổ chức cưới rất đơn giản. Mẹ tôi ở Hà Nội vào dự, rồi cùng vợ chồng tôi về nhà bác Ba tôi ở Tân Thạnh để làm lễ ra mắt tổ tiên.

Rồi đến năm 1938 (Mậu Dần) nhà tôi sinh đứa con trai đầu lòng, đặt tên là Nguyễn Nhật Đức, hiện nay (1980), cháu đã đỗ đạt, có vợ con, đang làm việc ở Pháp, mẹ cháu (bà Tuệ) cũng sang bên ấy, như anh đã biết.

*Nhà văn Nguyễn Hiến Lê kể đến đây, bà Lê từ nhà trong mang ra một dĩa chuối luộc còn nóng hổi mời khách. Ông Lê vừa ăn vừa nói:*

- Bây giờ tôi xin trả lời vấn đề lập gia đình lần thứ nhì như anh đã hỏi. Này nhé! Ngay lúc tôi mới đi hỏi nhà tôi (Trịnh Thị Tuệ) vào đầu năm 1937, tôi đã kể cho nhà tôi nghe tình bạn giữa tôi với cô Nguyễn Thị Liệp, tôi cũng nói rõ là tôi đã cầu hôn mà cô Liệp từ khước, và chỉ muốn kết tình bằng hữu thôi. Thế rồi những ngày tản cư ở Long Xuyên, tôi trọ nhà cô Liệp để dạy học. Sau đó, nhà tôi cùng cháu Nhật Đức về ở chơi với tôi trong mấy vụ hè. Như vậy gia đình tôi và gia quyến cô Liệp đều biết và đã thân nhau.

Đến năm 1956, mẹ cô Liệp qua đời tính ra hơn chín năm. Bấy giờ, sau khi thoả thuận với nhà tôi, tôi lập lại lời cầu hôn từ hai mươi năm trước với cô Liệp, cô biết nhà tôi cũng đồng ý, cô nhận lời. Hôn lễ cử hành ở thị xã Long Xuyên rất đơn giản, chỉ có bác Ba tôi làm trưởng tộc đàng trai, và ngay lúc ấy chúng tôi cũng lập hôn thú bậc nhì ở chính quyền Long Xuyên. Lễ cưới xong, tôi vẫn ở Sài Gòn điều khiển nhà xuất bản, vài ba tháng tôi lại về Long Xuyên nghỉ ngơi độ nửa tháng, rồi trở lên Sài Gòn tiếp tục công việc viết và xuất bản sách. Dù ở Sài Gòn hay Long Xuyên tôi cũng khỏi bận bịu công việc nhà. Ngay như việc giỗ, Tết và vấn đề giao tế với láng giềng tôi cũng khỏi bận tâm. Nhờ vậy mới thảnh thơi tâm trí để viết lách. Có thể nói không ngoa là hầu hết tác phẩm của tôi đều do công hai người nội tướng kiêm ngoại giao của tôi hỗ trợ. Nhờ có hai bà cáng đáng mọi việc nhà, tôi mới được rãnh rang mà chúi đầu vào sách vở. Hết viết rồi đọc, ngừng đọc thì viết, nhờ vật tôi mới có được trên một trăm tác phẩm đã xuất bản và còn hơn hai mươi bản thảo đã hoàn tất chờ in, như anh biết.

*Học giả Nguyễn Hiến Lê ngó lên đồng hồ treo trên tường rồi tiếp:*

- Chiều rồi, chúng ta đi dạo một vòng qua chợ, rồi về cầu Duy Tân đứng ngắm sông nước cho tâm hồn thanh thản. Sau khi cơm nước xong, nếu anh còn điều gì muốn hỏi thì chúng ta tiếp tục, rồi anh còn đi nghỉ, sáng mai phải dậy sớm để ra bến xe về Sài Gòn nữa chứ.

*Tôi và ông Lê đi sóng đôi, dạo một vòng xuống cầu Thoại Ngọc Hầu* [[13]](#footnote-13) [3] *, qua chợ Long Xuyên rồi về cầu Duy Tân, ông kéo tôi lại cùng đứng dựa lan can cầu, chỉ cho tôi xem hàng dừa ven sông rồi nói:*

- Tôi thường đến nơi này những buổi chiều nắng đẹp như chiều nay. Hàng dừa trên bờ sông đó làm tăng vẻ đẹp dòng sông và còn cho ta cảm tưởng nền trời cao rộng thêm. Anh có thấy cảnh tượng ở đây giống với câu thơ trong bài thơ *Tràng Giang* của Huy Cận *“Nắng chiều lên chót vót”* không?

*Tôi gật đầu và cảm thấy tâm hồn học giả Nguyễn Hiến Lê vẫn còn lãng mạn và trẻ trung lắm* .

*Lúc trở về, nhà hai bên đường đã lên đèn. Sau khi cơm nước xong, ông Lê đến nằm lên võng, đó là thói quen sau khi ăn. Ông mời tôi nằm trên ghế pho-tơi, mà bà Liệp đã cho người nhà đặt sẵn bên cạnh chiếc võng ông Lê đang nằm.*

*Tôi tiếp tục gợi chuyện:*

*- Xin ông cho biết với bí quyết nào đã chiến thắng bệnh tật để viết và dịch thuật được trên một trăm tác phẩm kếch sù như thế?*

- Trước khi trả lời về bí quyết gì gì như anh hỏi, anh hãy nghe tôi dài dòng về các thứ bệnh của tôi đã nhé! Theo Dale Carnegie, thì những nhà kinh doanh hầu hết bị loét bao tử hoặc đau tim [[14]](#footnote-14) [4] . Tôi không phải nhà kinh doanh, nhưng bao tử của tôi cũng bị đau từ những ngày tản cư nhà bác Ba tôi ở xã Tân Thạnh, vì ngày nào cũng núp hầm hoặc nằm bụi tre để tránh đạn liên thanh của máy bay Pháp. Rồi tiếp đó là vận vụng trí óc để viết sách suốt mười mấy năm liền, cho nên cuối năm 1958 tôi bị sưng và loét cuống bao tử (duodénum). Và kèm thêm bệnh lao phổi đến khạc ra máu nữa. Tôi phải trị hai chứng bệnh nan y đó trong một lúc, mà quan trọng nhất là bệnh lao. Ông Thiên Giang có giới thiệu với tôi ông bác sĩ Nguyễn Văn Tạo, người đã trị dứt bệnh lao cho ông ấy. Bác sĩ Tạo cho tôi chích Streptomycine, uống Rimifon với một thứ thuốc bổ gì nữa đó, và bảo tôi hoàn toàn phải tịnh dưỡng một tháng trong thời gian tiêm và uống thuốc. Nhà tôi buồn lắm, nhưng khi tôi thử đàm và xét nghiệm máu thấy không có vi trùng lao, tôi tin rằng sẽ trị dứt. Tháng sau, rọi phổi thấy vẫn như cũ, bác sĩ Tạo cho tôi uống P.A.S, sau đó còn tiêm P.A.S nữa. Bệnh có lui nhưng chậm, phải hơn sáu tháng sau mới khỏi. Từ đó đến nay, đã trên hai mươi năm qua, tôi có khạc ra máu vài lần, nhẹ hơn cho nên tôi chỉ uống thuốc bắc hoặc thuốc nam, như đọt chùm ruột chẳng hạn, rồi nghỉ ngơi năm ba bữa, không đi bác sĩ mà bệnh cũng khỏi. Có thể tôi đã quen đề kháng với vi trung lao rồi thì phải.

*- Đó là bệnh lao phổi, còn bệnh bao tử ông đối phó ra sao?*

- Bệnh sưng và loét bao tử khó trị hơn bệnh lao phổi. Năm 1954 chưa có thuốc đặc trị công hiệu như hôm nay, mấy ông bác sĩ người Pháp cho tôi uống Caved S, Sédo-Gastrine, Zizine và chích Laristine, cũng chỉ bớt chứ không dứt hẳn. Lâu lâu tôi vẫn bị một cơn đau phía dưới xương mỏ ác đến toát mồ hôi, phải buông viết nằm dài để xoa bóp nơi đau. Sau đó, tôi phải ăn cơm nếp và cữ các đồ cay, nóng, chua; lối năm, sáu năm, thì bệnh cũng đở phần nào. Về sau có người bạn giới thiệu thuốc Trecreamalade khá công hiệu, rồi có người cho tôi loại thuốc Gélusil, nhưng hai loại thuốc này chỉ làm dịu cơn đau chứ không trị lành vết loét. Từ ấy trở đi tôi ráng làm việc có điều độ, và chỉ uống Gélusil, cơn đau đó thưa hơn. Và gần đây, tôi được biết thêm thứ thuốc Tagamet có thể trị lành những chỗ loét trong bao tử. Nhờ uống thuốc này, mấy năm nay bao tử tôi không còn bị cơn đau nào dữ dội như trước kia.

Tôi còn một bệnh khó chịu nữa là bệnh trĩ, bệnh này tôi phải hàng tuần mò lên nhà ông thầy chuyên trị bệnh trĩ, nhà ở trong vườn cao su gần cầu BăngKy (Gia Định) để chữa (cắt, đốt) (\*). Mà phải cả năm trời mới khỏi.

Bây giờ tôi trả lời anh đây nhé! Tất cả những bệnh nan y của tôi thế đấy, mà tôi vượt qua được là nhờ tôi *“Quẳng gánh lo đi…”*, tập chịu đựng để mà *“…vui sống”*, và nhất là tôi tập quên, coi như mình không có bệnh tật gì cả. Hễ đau thì trị, xong là quên nó đi, lấy viết lách làm khuây. Dần dà bệnh tật cũng lùi bước trước sức lì lợm của mình. Nếu anh cho đó là bí quyết, thì tôi xin nói: Tôi mãi mê làm việc, và quên hết các bệnh tật để làm việc, coi công việc làm là thú vui, là việc cần thiết hằng ngày như ăn, như uống, như thở. Đừng bao giờ để bệnh tật len vào tâm trí mình bất cứ lúc nào. Nếu anh cho đó là bí quyết, thì đấy, bí quyết của tôi chỉ giản dị có vậy.

*Nhà văn Nguyễn Hiến Lê nói xong cười lớn. Chưa bao giờ tôi thấy ánh mắt ông vui như vậy. Bà Nguyễn Thị Liệp và tôi cũng cười theo… Sau đó ông cười rất vui:*

- Nếu anh không còn gì để vấn tôi nữa, thì anh sửa soạn để tôi đưa anh sang bên nhà lớn để ngủ, rồi mai thức sớm về Sài Gòn nhé! Nhà tôi đã sửa soạn chiếu màn cho anh rồi bên đó…

*Ông Lê đưa tôi qua ngồi bên nhà lớn, gian trước có hai bộ ván ngựa rất rộng. Tôi nằm trên một bộ ván về phía nhà nhỏ của anh Lê. Trên đầu nằm là một tủ sách lớn, có hầu hết sách của các nhà văn quá cố trước hoặc đồng thời với nhà văn Hồ Biểu Chánh. Vì ham sách quá, tôi đọc lướt qua mỗi tác giả vài cuốn mà cũng hơn 2 giờ sáng mới chợp mắt được.*

*Mờ sáng hôm sau, tôi thức dậy sang bên căn nhà nhỏ của anh Lê, vì bên này có đầy đủ tiện nghi hiện đại. Tôi làm vài vấn đề vệ sinh cần thiết xong, khi ra bàn viết của ông Lê đã thấy một đĩa xôi đậu xanh còn bốc khói với một chén nhỏ đựng muối vừng. Ông Lê cười mời:*

- Về đây, tôi thích điểm tâm bằng món xôi đậu xanh này. Anh dùng tạm cho vững bụng lúc về đường.

*Khi đưa tôi ra cổng, cùng đứng dưới tàng cây nính chờ đón xe lôi, trời còn sương mù dầy đặc, ông Lê mặc bộ đồ bà ba vải trắng, bên ngoài khoác áo len màu ngà ngà sát nách, cổ áo khoét rộng như áo thun ba lỗ. Tôi giục ông trở vào nhà vì sợ ông bị lạnh. Ông Lê cười, chỉ xuống chân có mang tất và đôi xăng đan:*

- Như vầy thì đâu còn lạnh so với hồi tôi còn bé. Hồi ấy tôi chỉ mặc có manh áo mỏng, đi chân đất mỗi sáng từ ngõ Phất Lộc đến trường Yên Phụ dưới trời rét như dao cắt thịt, vào những mùa Đông Hà Nội!

LÊ PHƯƠNG CHI
*Long Xuyên, giữa Hạ 1980.*

(Trích trong *Tâm tình văn nghệ sĩ*, NXB Thanh Niện, 2001)

------------------------
(\*) Tục gọi là ông thầy Tám Chánh. Hiện nay ông chuyển về đường Cộng Hoà, phường 12, quận Tân Bình. [BT]

**(Nguồn: *Nguyễn Hiến Lê – Cuộc đời và Tác phẩm*, Nhiều tác giả,**

Chú thích:
[[15]](#footnote-15)[1] Thật ra thì cụ Nguyễn Hiến Lê cũng viết bài cho các báo khác như Mai, Văn, Tân văn…
[[16]](#footnote-16)[2] Bách khoa số 4, năm 1957 (không rõ ngày tháng).
[[17]](#footnote-17)[3] Hình như có sự nhầm lẫn ở đây. Trên đường qua chợ, hai người sẽ đi ngang qua trường trung học Thoại Ngọc Hầu, trường phía bên tay trái, bên kia đường là Quân Y viện, đến cầu Hoàng Diệu, cách nhà cụ Nguyễn Hiến Lê khoảng 500 mét. Đứng trên cầu này có thể chiêm ngưỡng vẻ đẹp của hàng dừa gồm bảy cây bên bờ rạch Long Xuyên, trong khuôn viên Quân Y viện.

[[18]](#footnote-18)[4] Xem cuốn *Quảng gánh lo đi và vui sống*, Nguyễn Hiến Lê dịch.

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.
Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.
Đánh máy: Goldfish
Nguồn: thư viện Ebook
Được bạn: Ct.Ly đưa lên
vào ngày: 20 tháng 2 năm 2009

1. [↑](#footnote-ref-1)
2. [↑](#footnote-ref-2)
3. [↑](#footnote-ref-3)
4. [↑](#footnote-ref-4)
5. [↑](#footnote-ref-5)
6. [↑](#footnote-ref-6)
7. [↑](#footnote-ref-7)
8. [↑](#footnote-ref-8)
9. [↑](#footnote-ref-9)
10. [↑](#footnote-ref-10)
11. [↑](#footnote-ref-11)
12. [↑](#footnote-ref-12)
13. [↑](#footnote-ref-13)
14. [↑](#footnote-ref-14)
15. [↑](#footnote-ref-15)
16. [↑](#footnote-ref-16)
17. [↑](#footnote-ref-17)
18. [↑](#footnote-ref-18)